

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG KHƯỜNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG KHƯỜNG – TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Cui Thủy.

2. Ông Lò Chí Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vàng Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố X1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai .

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố X1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lào Cai .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2018 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vàng Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai ngày 04/12/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tình cảm vợ chồng không hợp, anh T1 thường xuyên có lời nói xúc phạm chị, chị có khuyên bảo nhưng anh T1 không thay đổi và không quan tâm đến gia đình. Chị đã phải nhờ chính quyền địa phương và các đoàn thể đến hòa giải nhưng anh T1 không sửa chữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T1 để ổn định cuộc sống.

Về con: Trong quá trình chung sống chị và anh Đỗ Văn T1 có một con chung là cháu Đỗ Anh T2, sinh ngày 28/4/2014. Nguyên vọng của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh T2 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và khoản nợ: chị và anh T1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2018 bị đơn anh Đỗ Văn T1 trình bày: anh và chị Vàng Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lũng Vai. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2018 xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau và đánh nhau, và anh chị cảm thấy không ở được với nhau. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn anh có nguyện vọng quay về đoàn tụ, nếu chị T cương quyết ly hôn anh cũng nhất trí đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con: anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Anh T2, sinh ngày 28/4/2014, anh T1 có nguyện vọng nhường quyền nuôi con cho chị T và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và khoản nợ: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 17/7/2018 anh Đỗ Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Vàng Thị T vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đỗ Văn T1, giao con chung là cháu Đỗ Anh T2, sinh ngày 28/4/2014 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Đỗ Văn T1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Chị Vàng Thị T và anh Đỗ Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ngày 04/6/2018 chị T nộp đơn khởi kiện đề nghị ngày 11/4/2018 trực tiếp tại Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn, nuôi con chung. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ do đó phiên tòa không có sự tham gia của đại diện Viện Kiểm sát theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đỗ Văn T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

-Về hôn nhân: Chị Vàng Thị T và anh Đỗ Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đơn khởi kiện, bản tự khai, và tại phiên tòa sơ thẩm chị Vàng Thị T khai nhận anh chị có mâu thuẫn từ năm 2017 do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh Đỗ Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, tại bản tự khai anh T1 cũng thừa nhận anh chị

có mâu thuẫn, anh cũng cảm thấy không chung sống được với nhau nữa. Chị T khởi kiện xin ly hôn anh có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng nếu chị T cương quyết ly hôn anh cũng nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của chị Vàng Thị T và anh Đỗ Văn T1 đã đến mức trầm trọng, anh chị thường xuyên cãi nhau không quan tâm đến nhau. Anh T1 không tham gia hòa giải tại Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng tại bản tự khai ngày 07/6/2018 anh T1 đã khai nhận anh chị có cãi nhau, đánh nhau và cảm thấy không ở được với nhau, nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh nhất trí. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/7/2018 anh T1 không có yêu cầu đề nghị gì khác. Như vậy có thể khẳng định, hôn nhân của chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Vàng Thị T, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

-Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Vàng Thị T và anh Đỗ Văn T1 đều xác nhận anh, chị có một con chung là cháu Đỗ Anh T2, sinh ngày 28/4/2014. Tại phiên tòa sơ thẩm chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh T2, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng; Tại bản tự khai của anh Đỗ Văn T1, anh có nguyện vọng nhường quyền nuôi con cho chị T, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Vàng Thị T và anh Đỗ Văn T1 đều có nguyện vọng giao con chung của anh chị cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng chị T có việc làm ổn định, thu nhập từ lương hàng tháng là 8.371.154đ, như vậy chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình, giao con chung của chị T, anh T1 là cháu Đỗ Anh T2, sinh ngày 28/4/2014 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản và khoản nợ: Chị Vàng Thị T và anh Đỗ Văn T1 đều xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí: Nguyên đơn chị Vàng Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; các Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Vàng Thị T: Chị Vàng Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn T1.

2/Về con chung: Giao con chung của chị Vàng Thị T và anh Đỗ Văn T1 là cháu Đỗ Anh T2, sinh ngày 28/4/2014 cho chị Vàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đỗ Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây khó khăn ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng.

3/Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AB/2012/0000209 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

4/Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Huyện MK, VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS huyện Mường Khương;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lý Thị Minh Yên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lù Chí Cường Lò Cử Thủy

Lý Thị Minh Yên

